

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Văn bản số 11/BCĐDTLCP ngày 07/11/2019 của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) về việc kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp gian lận, trục lợi chính sách hỗ trợ tiêu hủy lợn do bệnh DTLCP; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo về tình hình sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ phòng chống bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua với một số nội dung sau:

1. Về trình tự và thủ tục và tổ chức tiêu hủy heo bị bệnh DTLCP

Khi phát hiện có lợn bị bệnh, dịch thú y cơ sở báo cáo UBND xã, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tiến hành kiểm tra, xác minh bệnh và tiến hành lấy mẫu đối với các trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm theo Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch ứng phó khẩn cấp với bệnh DTLCP. Trường hợp mẫu xét nghiệm dương tính, lợn có biểu hiện triệu chứng của bệnh DTLCP và trong vùng có ổ bệnh cũ, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp báo cáo và trình UBND huyện ban hành Quyết định tiêu hủy. Quá trình tiêu hủy có sự giám sát của Tổ xử lý dịch bệnh của tỉnh, huyện, xã (theo Văn bản số 1172/SNN-CNTY ngày 11/6/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT). Lợn tiêu hủy được cân từng con với sự chứng kiến của chủ hộ có lợn tiêu hủy, Tổ xử lý của huyện, xã. Việc lập thủ tục, biểu mẫu thanh, quyết toán chi phí tiêu hủy lợn, thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Văn bản số 1545/SNN-KH ngày 31/7/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Hiện nay, theo báo cáo của các địa phương việc thực hiện các bước tiêu hủy, hỗ trợ do bệnh DTLCP theo đúng quy định, UBND tỉnh Bình Định, Sở Nông nghiệp và PTNT chưa có nhận được thông tin phản ánh nào của các cấp, các ngành, báo, đài và đơn thư phản ánh, tố cáo của nhân dân liên quan đến gian lận trong công tác xử lý và hỗ trợ người chăn nuôi có lợn bị xử lý tiêu hủy do bệnh DTLCP. Trong thời gian đến, nếu có thông tin phản ánh các trường hợp cụ thể về gian lận, trục lợi chính sách hỗ trợ tiêu hủy lợn do DTLCP ở các địa phương trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính tiến hành kiểm tra, xác minh xử lý theo quy định.

2. Kết quả thực hiện chi hỗ trợ cho hộ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do DTLCP và hỗ trợ cho lực lượng tham gia công tác phòng chống dịch bệnh DTLCP

2.1. Kết quả chi hỗ trợ cho hộ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy

Tính đến ngày 27/11/2019 trên địa bàn tỉnh đã tiêu hủy **30.353** con lợn nhiễm bệnh do DTLCP (tương ứng với **1.537.861** kg). Theo đó, tổng kinh phí phải chi hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn tiêu hủy là **48.744.010.000** đồng (*Chi tiết theo phụ lục 1,2*).

Để kịp thời hỗ trợ kinh phí cho hộ chăn nuôi khắc phục thiệt hại do DTLCP, UBND tỉnh Bình Định đã xuất cấp kinh phí từ ngân sách tỉnh (theo Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 và Quyết định số 4223/QĐ-UBND ngày 12/11/2019); đề nghị UBND cấp huyện và cấp xã đã chủ động xuất cấp kinh phí từ nguồn dự phòng địa phương với tổng kinh phí hỗ trợ là **42.612.781.000** đồng (trong đó, tạm ứng ngân sách tỉnh cho phần nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương là 27.761.040.000 đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ là 9.595.283.000 đồng và ngân sách cấp huyện hỗ trợ là 5.256.458.000 đồng). Tính đến ngày 30/11/2019, các địa phương đã thực hiện chi hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do DTLCP với tổng kinh phí hỗ trợ là **40.509.791.000** đồng (*Chi tiết theo phụ lục 3*). Theo báo cáo của các địa phương, công tác hỗ trợ kinh phí cho người chăn nuôi sẽ hoàn thành vào ngày 20/12/2019 (một số địa phương chậm là do phải chờ đủ thời gian công bố công khai theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư).

2.2. Kết quả chi mua vật tư, trang thiết bị chống dịch và chi trả tiền công cho lực lượng tham gia phòng chống dịch, xử lý, tiêu hủy lợn bị bệnh, chết do DTLCP

Để triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống bệnh DTLCP trên địa bàn, UBND tỉnh Bình Định đã sử dụng ngân sách dự phòng của tỉnh và chỉ đạo các địa phương chủ động sử dụng ngân sách dự phòng của địa phương để chi thực hiện hoạt động các chốt kiểm dịch động vật, mua vôi bột hỗ trợ cho các xã để phòng chống dịch bệnh... với tổng kinh phí đã cấp hỗ trợ là **10.005.433.000** đồng (trong đó, Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 6.584.373.000 đồng và ngân sách cấp huyện hỗ trợ là 3.421.060.000 đồng). Tính đến ngày 30/11/2019, các địa phương đã thực hiện chi hỗ trợ cho hoạt động các chốt kiểm dịch động vật cấp tỉnh, cấp huyện; mua vôi bột hỗ trợ cho các xã, hỗ trợ cho lực lượng tham gia công tác phòng, chống dịch, xử lý, tiêu hủy lợn bị bệnh, chết do DTLCP ... với tổng kinh phí là **8.339.144.000** đồng (*Chi tiết theo phụ lục 3*).

Hiện nay, một số địa phương còn đang tổng hợp, đề xuất tạm ứng kinh phí ngân sách địa phương nên còn chậm trong việc thực hiện chi kinh phí hỗ trợ cho lực lượng tham gia công tác phòng chống dịch, xử lý, tiêu hủy lợn bị bệnh, chết do DTLCP).

3. Về đề xuất kiến nghị:

Theo Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về việc hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày 31/12/2019 do đó để có cơ sở xử lý tiêu hủy và hỗ trợ trong thời gian đến và nhằm từng bước thay đổi phương thức chăn nuôi và đưa Luật Chăn nuôi năm

2018 (sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2020) vào đời sống, UBND tỉnh Bình Định đề xuất một số vấn đề sau:

3.1. Cơ chế hỗ trợ:

Do ảnh hưởng dịch bệnh có biên bản kiểm tra của Ban chỉ đạo Phòng chống dịch bệnh và hội đồng xử lý tiêu hủy đã xác định đối tượng, số lượng cụ thể nên chi trả kịp thời cho các đối tượng được hỗ trợ nhanh chóng.

3.2. Mức hỗ trợ:

Đề nghị hỗ trợ xử lý lợn bị bệnh Dịch tả lợn Châu Phi theo mức đã quy định trước đây theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

3.3. Đối tượng được hỗ trợ:

Nên mở rộng các thành phần kinh tế tham gia chăn nuôi (Các gia trại, trang trại và các doanh nghiệp chăn nuôi trong nước) để khuyến khích phát triển chăn nuôi quy mô trang trại ngày càng nhiều nhất là thu hút nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực Nông nghiệp.

3.4. Điều kiện hỗ trợ:

Căn cứ khoản 01 điều 54 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định kê khai hoạt động chăn nuôi. Các tổ chức cá nhân tổ chức chăn nuôi phải kê khai với UBND cấp xã. Và phải đảm bảo điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3.5. Thành phần tham gia phòng chống dịch:

Hỗ trợ ngày công cho lực lượng không hưởng lương trực tiếp tham gia công tác xử lý ổ dịch đảm bảo bằng hoặc hơn công lao động nặng nhọc hiện hành; riêng các đội ngũ cán bộ tham gia trong ban chỉ đạo, tổ công tác tùy tình hình bố trí hỗ trợ kinh phí xăng xe, công tác phí khi tham gia chống dịch.

Trên đây là báo cáo về tình hình sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ phòng chống bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- BCĐQG phòng, chống bệnh DTLCP;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục 1:**Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi có lợn buộc tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (từ đầu năm 2019 đến ngày 26/6/2019)***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Địa phương	Tổng hợp thiệt hại (từ đầu năm 2019 đến ngày 30/10/2019)				Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)
		Lợn nái, lợn đực giống		Lợn thịt, lợn con		
		Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	$7=(4)*0,045+(6)*0,03$
	Tổng số	2.794	297.709	7.297	214.259	19.824,675
1	Quy Nhơn	20	2.570	130	2.547	192,060
2	An Nhơn	676	128.119	3.625	116.839	9.270,525
3	Tuy Phước	1.240	57.239	1.095	35.773	3.648,945
4	Tây Sơn	82	14.221	513	11.552	986,505
5	Phù Cát	180	42.184	694	15.932	2.376,240
6	Phù Mỹ	112	12.648	348	8.205	815,310
7	Hoài Ân	11	1.764	55	1.883	135,870
8	Hoài Nhơn	131	21.192	540	11.116	1.287,120
9	Vân Canh	342	17.772	297	10.412	1.112,100
10	An Lão					-

Ghi chú:

- Từ đầu năm 2019 đến ngày 26/6/2019 mức hỗ trợ theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 và Công văn số 2320/UBND-KT ngày 04/5/2019: đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác là 45.000 đồng/kg hơi; đối với lợn con và lợn thịt các loại hỗ trợ 30.000 đồng/kg hơi;

Phụ lục 2:**Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi có lợn buộc tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/11/2019)***(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-UBND ngày ____/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Địa phương	Tổng hợp thiệt hại (từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/11/2019)				Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)
		Lợn nái, lợn đực giống		Lợn thịt, lợn con		
		Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7=(4)*0,03+(6)*0,025
	Tổng số	4.124	654.402	16.138	371.491	28.919,335
1	Quy Nhơn	124	14.603	754	14.231	793,865
2	An Nhơn	1.186	258.334	6.330	196.124	12.653,120
3	Tuy Phước	1.208	173.418	4.519	73.115	7.030,415
4	Tây Sơn	112	31.182	633	18.925	1.408,585
5	Phù Cát	92	11.910	852	16.404	767,400
6	Phù Mỹ	479	45.076	339	8.747	1.570,955
7	Hoài Ân	148	21.190	621	9.081	862,725
8	Hoài Nhơn	682	83.670	1.777	28.866	3.231,750
9	Vân Canh	19	3.382	75	1.972	150,760
10	An Lão	74	11.637	238	4.026	449,760

Ghi chú:

- Từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/11/2019 mức hỗ trợ theo Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác là 30.000 đồng/kg hơi; đối với lợn con và lợn thịt các loại hỗ trợ 25.000 đồng/kg hơi;

Phụ lục 3:
Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện hỗ trợ phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bình Định
(từ đầu năm 2019 đến ngày 30/11/2019)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

S T T	Địa phương	Tổng hợp thiệt hại (từ đầu năm 2019 đến ngày 30/11/2019)				Tổng tiêu hủy		Tổng NSNN hỗ trợ tiêu hủy (tr.đ)	Trong đó		Tổng kinh phí đã cấp hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó				Tổng kinh phí đã chi (tr.đ)	Trong đó				Ghi chú	
		Lợn nái, lợn đực giống		Lợn thịt, lợn con					Ngân sách TW hỗ trợ 70% (tr.đ)	Ngân sách địa phương 30% (tr.đ)		Tạm ứng NS tỉnh (phần kinh phí NS TW hỗ trợ) (tr.đ)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ (tr.đ)		Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (tr.đ)		Kinh phí đã chi cho người chăn nuôi (tr.đ)	Kinh phí hỗ trợ cho lực lượng phòng chống dịch (tr.đ)	Kinh phí mua vắc sát trùng (tr.đ)	Kinh phí hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch cấp tỉnh (tr.đ)		
		Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)						Hỗ trợ cho người chăn nuôi (tr.đ)	Hỗ trợ công tác phòng chống dịch (tr.đ)	Hỗ trợ cho người chăn nuôi (tr.đ)	Hỗ trợ công tác phòng chống dịch (tr.đ)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9*0,7	11=9-10	12=13+14+15+16+17	13	14	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22	
	Tổng số	6.918	952.111	23.435	585.750	30.353	1.537.861	48.744,010	34.120,807	14.623,203	52.618,214	27.761,040	9.595,283	6.584,373	5.256,458	3.421,060	45.645,280	40.509,791	4.287,566	847,923	3.203,655	
1	Quy Nhơn	144	17.173	884	16.778	1.028	33.951	985,925	690,148	295,778	1.311,061	590,384	38,550	-	-	682,127	666,951	231,395	435,556	-	-	
2	An Nhơn	1.862	386.453	9.955	312.963	11.817	699.416	21.923,65	15.346,552	6.577,094	21.980,490	14.001,305	4.922,060	-	3.057,125	-	21.901,066	21.671,066	230,000	-	-	
3	Tuy Phước	2.448	230.657	5.614	108.888	8.062	339.545	10.679,360	7.475,552	3.203,808	10.548,176	5.532,601	2.044,142	-	1.122,953	1.848,480	10.548,180	8.699,700	1.848,480	-	-	
4	Tây Sơn	194	45.403	1.146	30.477	1.340	75.880	2.395,090	1.676,563	718,527	2.067,780	1.527,206	540,574	-	-	-	70,000	-	70	-	-	
5	Phù Cát	272	54.094	1.546	32.336	1.818	86.430	3.143,640	2.200,548	943,092	3.328,690	1.671,448	63,13	873,318	358,164	362,630	3.308,690	2.966,060	217,630	125	-	
6	Phù Mỹ	591	57.724	687	16.952	1.278	74.676	2.386,265	1.670,386	715,880	1.922,991	843,821	370,532	-	180,815	527,823	1.922,991	1.395,168	245,9	281,923	-	
7	Hoài Ân	159	22.954	676	10.964	835	33.918	998,595	699,017	299,579	3.029,764	560,373	194,563	2.200,400	74,428	-	2.407,564	829,364	1.137,200	441,000	-	
8	Hoài Nhơn	813	104.862	2.317	39.982	3.130	144.844	4.518,870	3.163,209	1.355,661	3.404,370	2.160,542	780,855	-	462,973	-	3.404,370	3.404,370	-	-	-	
9	Vân Canh	361	21.154	372	12.384	733	33.538	1.262,860	884,002	378,858	1.262,847	697,387	565,460	-	-	-	1.365,468	1.262,668	102,800	-	-	
10	An Lão	74	11.637	238	4.026	312	15.663	449,760	314,832	134,928	251,390	175,973	75,417	-	-	-	50,000	50,000	-	-	-	
11	Chi cục CNTY tỉnh										3.510,655			3.510,655							3.203,655	đã hoàn trả NS tỉnh 307 tr.đồng